

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2017/HSST

Ngày: 18/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đặng Thị Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2016/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2016, đối với bị cáo Nguyễn Thanh N, sinh năm 1992, tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKNKTT: Khu phố X, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị T; có vợ là chị Nguyễn Thị Thu T và 01 con sinh năm 2014, bị cáo bị bắt tạm giam trong một vụ án khác vào ngày 12/10/2015 - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Nguyễn Thanh N bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 11/4/2015, chị Nguyễn Thị N (SN 1988), trú tại tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông cùng với Nguyễn Thanh N, anh Võ Ngọc H (SN 1996), anh Nguyễn Duy T (SN 1997), cùng trú tại xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông uống cà phê tại quán Hà Nội Phố, thuộc tổ 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Đến khoảng 09 giờ 00 phút thì N nói với chị N cho N mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS: 93L1 - 189.94 (xe này chị N mua tại cửa hàng mua bán xe máy T, do chị Nguyễn Thị N1 làm chủ, thuộc phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông, nhưng chưa làm thủ tục sang tên) đi vào xã Đ đón bạn là Phạm Trường S (SN 01/7/2000) ra uống cà phê, đồng thời đi thay gương chiếu hậu cho xe của chị N, thì chị N đồng ý và giao xe cho N. Khi giao xe, bên trong cốp xe của chị N có để 01 ví da để số tiền 1.000.000 đồng, giấy mua bán xe mô tô và giấy tờ tùy thân. N điều khiển xe đi đến tiệm sửa xe máy tại bùng binh Bi Côn, thuộc tổ 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông để thay gương chiếu hậu.

Sau khi thay gương xong, N điều khiển xe theo Quốc lộ 28 đi vào xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông, trên đường đi, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị N. Nghĩ vậy, N điều khiển xe đến nhà S, thay vì chở S ra quán cà phê Hà Nội Phố như đã hứa với chị N, thì N rủ S đi qua thành phố B, tỉnh Lâm Đồng chơi. Được S đồng ý, cả hai điều khiển xe đi qua thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày thì cả hai đến thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, trong lúc dừng xe để ăn cơm, N mở yên xe và phát hiện trong cốp xe của chị N có 01 ví da bên trong có số tiền 1.000.000 đồng, N lấy số tiền này, còn ví cùng một số giấy tờ N vứt dọc đường. Sau đó, N nói cho S biết việc mình chiếm đoạt chiếc xe này của người khác, vì sợ liên lụy nên ngày 12/4/2015 S đón xe khách về lại thị xã G, tỉnh Đắk Nông còn N thì ở lại thành phố B, tỉnh Lâm Đồng chơi. Đến ngày 14/4/2015, do hết tiền tiêu xài nên N đã đem cầm cố chiếc xe trên cho cửa hàng cầm đồ tại thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (*Không rõ tên, địa chỉ cụ thể*) được 10.000.000 đồng, số tiền này N sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Nouvo, màu sơn Nâu Vàng Bạc, BKS: 93L1 - 189.94; 01 ví da màu đỏ của nữ (*Không rõ nhãn hiệu*) là vật chứng vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thị xã G, tỉnh Đắk Nông đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 13/5/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã G, tỉnh Đắk Nông kết luận, giá trị xe mô tô trên là 14.000.000 đồng.

Ngày 28/7/2016, người bị hại chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Nguyễn Thanh N bồi thường giá trị chiếc xe mô tô.

Ngoài hành vi phạm tội tại địa bàn thị xã G, tỉnh Đắk Nông thì N còn khai nhận thực hiện hành vi phạm tội ở các địa phương khác như: huyện T, tỉnh Đắk Nông; huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; huyện B, tỉnh Bình Dương; thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Ngày 05/8/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thị xã G, tỉnh Đắk Nông đã có công văn thông báo đến cơ quan cảnh sát điều tra các địa phương phối hợp điều tra để xử lý N theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 54/CTr-VKS ngày 19 tháng 8 năm 2016, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh N về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Việc bồi thường thiệt hại: Buộc Nguyễn Thanh N phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị N theo quy định pháp luật.

Đối với anh Phạm Trường S, khi Nguyễn Thanh N thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì anh S không biết và cũng không hưởng lợi gì nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, người bị hại chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị N có đơn yêu cầu Nguyễn Thanh N phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đồng ý bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, những người làm chứng anh Võ Ngọc H, anh Nguyễn Duy T, anh Phạm Trường S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị xử lý của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 11/4/2015, chị Nguyễn Thị N và Nguyễn Thanh N, anh Võ Ngọc H, anh Nguyễn Duy T cùng uống cà phê tại quán Hà Nội Phố đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, N hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS: 93L1 - 189.94 của chị Nguyễn Thị N để đi đón bạn và thay gương chiếu hậu thì chị N đồng ý và giao xe cho N. Khi giao xe, bên trong cốp xe của chị N có 01 ví da bên trong có số tiền là 1.000.000 đồng, giấy mua bán xe mô tô và giấy tờ tùy thân.

Sau khi mượn được xe, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị N. N điều khiển xe rủ anh Phạm Trường S đi thành phố B, tỉnh Lâm Đồng chơi. Đến ngày 14/4/2015, do hết tiền tiêu xài nên N đã đem cầm cố chiếc xe trên cho cửa hàng cầm đồ tại thành phố B, tỉnh Lâm Đồng được 10.000.000 đồng, số tiền này N sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 13/5/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông kết luận xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS: 93L1 - 189.94 có trị giá là 14.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh N đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Điều 140 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu

đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó.

...

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ một hành vi chiếm đoạt trái pháp luật nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhưng vì động cơ muốn có tiền tiêu xài, bản chất lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hành vi này của bị cáo ngoài việc xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh N đã thành khẩn khai báo và đã tự thú về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm o, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cafi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Thanh N mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Đối với anh Phạm Trường S, khi Nguyễn Thanh N thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì anh S không biết và cũng không hưởng lợi gì từ việc chiếm đoạt tài sản của N nên không đề cập xử lý đối với anh S là có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc bồi thường thiệt hại: Bị cáo Nguyễn Thanh N phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 15.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm o, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; Căn cứ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc Nguyễn Thanh N phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Nguyễn Thanh N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã G;
- Công an thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: HS, VP.

T/M . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Quy